

Bản án số: 922/2026/DS-PT
Ngày 05-8-2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
Bà Đào Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Tô Hoàng Ôn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 05 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 911/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Hùng L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

- **Bị đơn:**

1. Ông Võ Văn X, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Bà Võ Thị Kim L1, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Võ Văn M, sinh năm 1988 (có mặt).

4. Bà Võ Thị Kim Y, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Võ Thị Út M1, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà M1: ông Võ Văn M, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X, ông M và bà M1: Bà Phạm Thị L2, Luật sư, Công ty L3, Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H và ông T: Ông Võ Văn M, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Võ Văn X, ông Võ Văn M và bà Võ Thị Út M1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hùng L trình bày:

Cha ông Lê Hùng L là ông Lê Văn M2, sinh năm 1944 (chết năm 2012) và mẹ là bà Phạm Thị T3, sinh năm 1953 có tạo lập được một phần đất có tổng diện tích 5.437m², trong đó bao gồm 03 thửa đất như sau: thửa đất số 607 có diện tích 1.750m², loại đất LNK; thửa đất 622 có diện tích 3.057m², loại đất 2L và thửa đất số 617 có diện tích 630m², loại đất 2L, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Cần Thơ, chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000250 do Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp ngày 24/5/1994 cho ông Lê Văn M2.

Cha mẹ ông L có tất cả 06 người con gồm: ông Lê Hùng C, sinh năm 1969 (đã chết ngày 19/8/2023), Lê Hùng M3, sinh năm 1971, bà Lê Thị Thu T4, sinh năm 1976, ông Lê Văn C1, sinh năm 1980, ông Lê Hùng T5, sinh năm 1985 và ông là Lê Hùng L. Ngoài ra, ông M2 và bà T3 không còn người con

riêng nào khác. Ngày 19/7/2019, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M2 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản, thống nhất cho ông Lê Hùng L được hưởng toàn bộ di sản thừa kế do ông M2 chết để lại và một phần hai quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị T3.

Thửa đất số 607 của gia đình ông L có một cạnh tiếp giáp với thửa đất số 606 của bà Nguyễn Thị P (chết năm 2021) và ông Võ Văn X. Quá trình sử dụng đất thì đến năm 2005 gia đình ông X đã có hành vi lấn chiếm một phần diện tích thửa đất số 607 của gia đình ông L. Lúc này, cha ông L đã gửi đơn tranh chấp đến Tổ hòa giải của ấp đã được hòa giải nhưng không thành. Sau đó, ấp có chuyển toàn bộ hồ sơ lên xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (cũ) để giải quyết nhưng kéo dài mà không có kết quả.

Đến năm 2012, ông M2 chết, do gia đình quá nghèo khó nên tập trung đi làm ăn và cũng có liên hệ Ủy ban nhân dân xã N để hỏi thăm vụ việc. Phía ông X, bà P tiếp tục lấn chiếm gần hết mặt tiền đất của gia đình L, nên ông khởi kiện yêu cầu toà án giải quyết:

Buộc gia đình ông X phải trả lại cho gia đình ông L phần đất đã lấn có diện tích đo đạc thực tế là 130,2m², được ký hiệu trong Bản trích đo địa chính số 23 ngày 21/5/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C là vị trí A và B.

Theo đơn phản tố và quá trình giải quyết vụ án các bị đơn trình bày:

1. Ông Võ Văn X trình bày:

Thửa đất số 606 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 000570 ngày 29/11/2000 cho gia đình ông X. Ban đầu, thửa đất có chiều ngang khoảng 4 tầm 2 mét (loại tầm 3m). Ngày 15/9/2005, mẹ vợ ông X cho em vợ là ông Lê Văn T một phần diện tích. Hiện tại, trên thửa 606, gia đình ông X chỉ còn sử dụng 01 nền nhà ở có chiều ngang khoảng 13m, chiều dài khoảng 70m.

Phần đất tranh chấp (diện tích 130,2m²): Có nguồn gốc từ mẹ vợ ông X (bà Lê Thị N1) cho tặng vợ chồng ông. Cụ thể:

Khoảng năm 1988 – 1990, thực hiện chính sách trang trải ruộng đất của Nhà nước, do bà Phạm Bé T6 có nhiều đất còn bà N1 có ít đất, Nhà nước đã giao 3 công đất ruộng (tầm 3m) của bà T6 cho bà N1.

Sau đó, gia đình ông X chỉ đăng ký làm GCNQSDĐ diện tích 1.000m² (nhập chung vào thửa 616), còn lại 2.900m² gia đình ông trả lại cho bà T6 để đổi lấy phần đất mặt tiền (chính là phần diện tích 130,2m² đang tranh chấp). Việc đổi đất này chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Hiện nay bà T6 đã chết, nên ông X đề nghị Tòa án mời 02 người làm chứng là ông Bùi Văn G và bà Trần Thị T1 để làm rõ việc này.

Gia đình ông X sử dụng phần đất tranh chấp này từ lâu đời. Sinh thời, ông Lê Văn M2 và gia đình cũng không sử dụng hay liên quan đến phần đất này.

Việc ông M2 được cấp GCNQSDĐ trù lên phần đất của gia đình ông X là do kê khai đăng ký nhầm. Đến năm 2005, khi nguyên đơn khởi kiện tại Ủy ba nhân dân xã, ông X mới phát hiện việc cấp trùng này.

Do đó, ông X không đồng ý với ý kiến của ông Lê Hùng L cho rằng gia đình ông lấn ranh; đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc gia đình ông trả lại 130,2m² đất.

Ngày 29/12/2023, bị đơn (gồm ông Võ Văn X, ông Võ Văn M và bà Võ Thị Út M1) đã nộp đơn phản tố. Yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 130,2m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông X, ông M và bà M1 (với tư cách là những người thừa kế của bà Nguyễn Thị P).

2. Ông Võ Văn M (với tư cách cá nhân và đại diện theo ủy quyền của bà M1) trình bày: hoàn toàn thống nhất với toàn bộ trình bày và yêu cầu phản tố nêu trên của ông X.

Quá trình giải quyết vụ án những người làm chứng trình bày:

1. Ông Bùi Văn G trình bày: Đối với phần đất đang tranh chấp giữa các bên, ông không nắm rõ. Ông chỉ biết ông Võ Văn X về đây ở rể từ khoảng năm 1979 hoặc 1980. Ông xin trình bày những thông tin nêu trên và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông.

2. Bà Trần Thị T1 trình bày: Bà chỉ biết bà Nguyễn Thị P (thường gọi là chị N2) sinh sống tại đây từ thời điểm làm nhà lá cho đến khi xây dựng nhà tường. Riêng đối với diện tích đất tranh chấp, bà không nắm rõ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

3. Ông Nguyễn Văn N trình bày: Về nguồn gốc, phần đất này do bà Bảy T7 cho ông Lê Văn M2 (thường gọi là chú M4). Hướng từ đường lộ nhìn vào: bên phải giáp đất của bà Trần Thị B (mẹ ông N, hiện còn sống); bên trái giáp đất của bà Nguyễn Thị Phi. Ông chỉ biết các thông tin này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

4. Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông là cháu ruột của bà Bảy T7. Phần đất tranh chấp giữa ông L và bà P có nguồn gốc do ông Mười M5 canh tác từ thời tập đoàn sản xuất đến nay (khoảng hơn 30 năm, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ chính xác mốc thời gian). Diện tích đất ông M5 canh tác là do bà Bảy T7 cho. Ông xác nhận phần đất bà Bảy T7 cho ông M5 không thực hiện đổi đất với bất kỳ ai. Ông cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi lại phần đất gia đình bị đơn đã lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 130.2m² và đồng ý cho bị đơn sử dụng phần đất đã xây dựng nhà chính diện tích 33m² tại một phần vị trí A (không trả giá trị) theo Bản trích đo bản đồ địa chính số 23 ngày 21/5/2025 và Biên bản định giá ngày 13/3/2025.

- Bị đơn ông X, ông M và bà M1 yêu cầu công nhận cho bị đơn diện tích theo đo đạc thực tế tại vị trí A và B là 130,2m² theo Bản trích đo bản đồ địa chính số 23 ngày 21/5/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hùng L.
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn X, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Út M1.

- Buộc ông Võ Văn X, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Út M1, bà Võ Thị Kim L1, bà Võ Thị Kim Y tháo dỡ, di dời nhà sau vị trí B (diện tích 18m²), mái bên (diện tích 22,5m²) và hàng rào có chiều ngang 4,56m, kết cấu sắt đá vị trí A để trả lại phần đất đã lấn chiếm do ông Lê Văn M2 đứng tên, ông Lê Hùng L là thừa kế quản lý và sử dụng.

- Buộc bị đơn di dời, chặt bỏ cây trồng trên đất vị trí B để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình nguyên đơn.

- Công nhận ổn định cho ông Võ Văn X, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Út M1, bà Võ Thị Kim L1, bà Võ Thị Kim Y được quyền sử dụng phần đất xây dựng nhà chính (diện tích 33m²) thuộc thửa số 607, tờ bản đồ số 6 được của UBND huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/5/1994 cho ông Lê Văn M2, nay thuộc ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 23 ngày 21/5/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai và Biên bản định giá ngày 13/3/2025).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2025, bị đơn ông Võ Văn X, ông Võ Văn M và bà Võ Thị Út M1 có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận:* phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình bị đơn. Phía bị đơn đã sử dụng ngay tình, liên tục và công khai đối với phần đất tranh chấp trên 30 năm tính đến thời điểm tranh chấp. Quá trình sử dụng đất phía bị đơn đã đầu tư các công trình kiên cố trên đất như cất nhà, xây hàng rào; đồng thời phía bị đơn đã có trồng một số cây trồng có tuổi thọ lên đến 35 – 40 năm trên đất tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, công nhận cho các bị đơn được quyền sử dụng phần đất tranh chấp.

Nguyên đơn ông Lê Hùng L phát biểu ý kiến tranh luận: phần đất tranh chấp theo sơ đồ thửa đất thể hiện nằm thuộc về thửa đất số 607 của gia đình nguyên đơn, hình thể thửa đất 606 và 607 trên giấy chứng nhận của hai bên thể hiện là một đường thẳng, nên việc chỉ ranh của nguyên đơn là phù hợp. Căn cứ vào chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M2 đứng tên, phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của phía bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn X, ông Võ Văn M và bà Võ Thị Út M1 nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hùng C chết ngày 19/8/2023 (trước ngày xét xử sơ thẩm), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C vào tham gia tố tụng theo Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là tài sản chung của ông Lê Văn M2 và bà Phạm Thị T3. Sau khi ông M2 chết, các đồng thừa kế đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 19/7/2019, thống nhất giao toàn bộ di sản của ông M2 và phần quyền sử dụng đất của bà T3 cho ông Lê Hùng L. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế tiếp tục có văn bản xác nhận nhường toàn bộ quyền thừa kế đối với thửa đất tranh chấp cho ông L và không có tranh chấp, yêu cầu gì trong vụ án. Do quyền và nghĩa vụ đối với di sản đã được các đồng thừa kế định đoạt hợp pháp, họ không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến đối tượng tranh chấp nên không thuộc trường hợp phải tham gia tố tụng theo khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, việc không đưa các đồng thừa kế của ông Lê Văn M2, cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hùng C vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 607 (diện tích thực tế đo đạc là 1.165,3m²) có từ việc phân bổ ruộng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 000250 ngày 24/5/1994 cho ông Lê Văn M2 (cha của nguyên đơn). Trong khi đó, hộ bà Nguyễn Thị P và ông Võ Văn X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/11/2000 đối với thửa số 606 theo đúng đơn đăng ký của mình. Quá trình kê khai và đăng ký, ông M2 đã hoàn thành thủ tục và được cấp giấy chứng nhận hợp pháp trước.

[4] Theo Bản trích đo địa chính số 23 ngày 21/5/2025 của Văn phòng Đ, diện tích thực tế gia đình nguyên đơn đang quản lý trên thửa số 607 bị thiếu hụt 584,7m² so với giấy chứng nhận, trong khi diện tích đất của bị đơn dư ra 73,7m². Về hình thể, ranh giới giữa thửa số 606 và 607 trên giấy chứng nhận ban đầu là các đường thẳng, nhưng hiện trạng bị đơn sử dụng đã tạo thành đường gấp khúc, lấn sâu vào mặt tiền thửa đất số 607. Phần diện tích tranh chấp gồm vị trí A (106,8m²) và vị trí B (23,4m²) nằm trọn trong ranh giới thửa đất số 607 của gia đình nguyên đơn.

[5] Phía bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp có được do đổi đất từ năm 1988 - 1990 nhưng hoàn toàn không có văn bản chứng minh, các lời khai của người làm chứng do bị đơn yêu cầu đều không nắm rõ sự việc này. Ngay từ năm 2005, khi gia đình bị đơn có hành vi lấn chiếm, ông Lê Văn M2 đã làm đơn khiếu nại đến Tổ hòa giải ấp N và tiếp tục bị gia đình nguyên đơn phản ứng, ngăn cản qua các thời điểm. Do đó, việc bị đơn cho rằng đã sử dụng ổn định, liên tục, ngay tình và không có tranh chấp là không có căn cứ. Hành vi lấn chiếm đất của bị đơn đã vi phạm khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện đồng ý cho bị đơn tiếp tục sử dụng phần diện tích 33m² đã xây dựng nhà chính tại vị trí A và không yêu cầu thanh toán giá trị quyền sử dụng đất. Đây là sự tự nguyện hoàn toàn phù hợp pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ. Đối với các công trình phụ (nhà sau diện tích 18m², mái bên diện tích 22,5m², hàng rào sắt đá) và cây trồng trên vị trí B do bị đơn tự ý tạo lập trái phép trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ, di dời và chặt bỏ để trả lại đất là hoàn toàn chính xác, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn.

[7] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện chứng cứ, đánh giá khách quan và áp dụng đúng quy định pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời bác yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

[8] Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Võ Văn X, ông Võ Văn M và bà Võ Thị Ut M1. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật (riêng ông Võ Văn X thuộc diện người cao tuổi được miễn theo quy định).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn X, ông Võ Văn M, bà Võ Thị Út M1.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm:
 - Buộc ông Võ Văn M có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004212 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
 - Buộc bà Võ Thị Út M1 có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004215 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Bằng